

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/7/2022.

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trãi.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Anh Việt.
2. Bà Bùi Thanh Thúy.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Thùy Dung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/4/2022, về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 17/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị Bạch T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2 Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1980;

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T có mặt; Anh M vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Mai Thị Bạch T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2009, chị T và anh M qua quen biết rồi về sống chung với nhau, được hai bên gia đình chấp nhận nhưng không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Đến năm 2020 thì giữa chị và anh M phát sinh mâu thuẫn do anh M thường chửi và đánh chị nên chị và anh M không còn sống chung cho đến nay.

Về con chung: Chị T và anh M không có con chung.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, giữa chị và anh M cũng không còn sống chung, không quan tâm lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu xin được ly hôn với anh M.

Bị đơn anh Nguyễn Văn M vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời trình bày:

Anh M và chị T qua quen biết, tìm hiểu rồi sống chung với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh chị sống chung đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và sống riêng cho đến nay. Giữa anh và chị T không có con chung, không có tài sản chung cũng như nợ chung.

Anh M đồng ý ly hôn với chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Mai Thị Bạch T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn M, đây là vụ án “Ly hôn”. Bị đơn cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh M có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của chị Mai Thị Bạch T xin ly hôn với anh Nguyễn Văn M, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Chị Mai Thị Bạch T và anh Nguyễn Văn M đã chung sống với nhau từ năm 2009, không có tổ chức lễ cưới, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị T và anh M không được pháp luật công nhận.

Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“Việc kết hôn phải được đăng ký do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“ Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật này”.

Nay chị T và anh M thống nhất ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử không công nhận chị Mai Thị Bạch T và anh Nguyễn Văn M là vợ chồng.

Về con chung: Chị T và anh M đều thống nhất là anh, chị không có con chung nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị T và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị T và anh M xác định không có nợ chung.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chị Mai Thị Bạch T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Mai Thị Bạch T và anh Nguyễn Văn M là vợ chồng.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị T và anh M xác định không có nợ chung.

5. Về án phí: Chị Mai Thị Bạch T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009082, ngày 07/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

6. Chị T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Trãi